

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ
Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 26

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Takashi Fujii	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014
Ông Yotaro Numata	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Akihiko Tanaka	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2016
Ông Shigeo Tsuyuki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015
Ông Trần Châu Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014
Ông Trần Đình Quán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh, được bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2014.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Trần Châu Danh, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Trần Châu Đạt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61147610/18556728-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 4 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
Saman Banerjee
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01a-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.014.978.859	33.062.364.453
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5	1.288.426.570	932.331.706
111	1. Tiền		1.288.426.570	682.331.706
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	250.000.000
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		29.600.000.000	28.400.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	29.600.000.000	28.400.000.000
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		4.883.509.384	3.280.792.022
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.026.930.001	1.091.936.113
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	8	3.434.773.796	1.697.855.909
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	421.805.587	491.000.000
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		243.042.905	449.240.725
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	243.042.905	449.240.725
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.537.819.682	4.843.785.034
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		282.000.000	520.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	282.000.000	520.000.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		1.109.174.667	1.263.320.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	761.508.000	846.120.000
222	Nguyên giá		846.120.000	846.120.000
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.612.000)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	347.666.667	417.200.000
228	Nguyên giá		417.200.000	417.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.533.333)	-
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		2.992.024.893	2.841.925.900
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.992.024.893	2.841.925.900
260	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>		154.620.122	218.539.134
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		121.237.607	185.156.619
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		33.382.515	33.382.515
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.552.798.541	37.906.149.487

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01a-CTQ


VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.915.673.179	2.786.436.562
310	I. Nợ ngắn hạn		1.770.673.179	2.786.436.562
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	417.200.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	552.583.325	422.036.938
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.204.057.134	1.896.968.729
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		14.032.720	50.230.895
330	I. Nợ dài hạn		145.000.000	-
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		145.000.000	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.637.125.362	35.119.712.925
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu		38.637.125.362	35.119.712.925
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		504.563.887	504.563.887
419	3. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		504.563.887	504.563.887
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		12.627.997.588	9.110.585.151
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.552.798.541	37.906.149.487


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18	1.095.933.088	3.294.839.259
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.095.933.088	3.294.839.259
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	123.141.693.748	110.870.460.348
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước		123.141.693.748	110.870.460.348
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	823.628.800	1.028.468.700
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	3.368.491.358	1.637.903.117


Bà Nguyễn Thị Thủy
Linh
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thủy
Linh
Kế toán trưởng


Ông Eiichi Ohira
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ


Ông Trần Châu Dành
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu	22	10.233.416.614	9.302.314.427
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		10.233.416.614	9.302.314.427
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	23	906.266.350	880.919.868
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(6.430.417.413)	(5.142.665.626)
30	5. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		4.709.265.551	5.040.568.669
31	6. Thu nhập khác		-	11.695.309
32	7. Chi phí khác		(5)	(7.517.287)
40	8. Lợi nhuận khác		(5)	4.178.022
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.709.265.546	5.044.746.691
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(941.853.109)	(1.106.649.333)
52	11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.767.412.437	3.938.097.358

Bà Nguyễn Thị Thúy
Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thúy
Linh
Kế toán trưởng

Ông Eichi Ohira
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 8 năm 2016


Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP B03a-CTQ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		4.709.265.546	5.044.746.691
02	Điều chỉnh:			
02	1. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12,13	154.145.333	-
03	2. Thay đổi các khoản dự phòng		145.000.000	-
05	3. Doanh thu từ lãi tiền gửi		(906.266.350)	(880.919.868)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		4.102.144.529	4.163.826.823
09	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.429.723.474)	1.246.456.782
11	2. Tăng các khoản phải trả		(729.207.021)	(171.717.693)
12	3. Tăng chi phí trả trước		270.116.832	50.319.784
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.1	(811.209.471)	(1.206.014.403)
17	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(250.000.000)	(1.290.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.152.121.395	2.792.871.293
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(567.298.993)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.200.000.000)	(14.600.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		16.000.000.000	12.300.000.000
27	4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		971.272.462	376.921.257
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(796.026.531)	(1.923.078.743)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		356.094.864	869.792.550
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		932.331.706	454.521.776
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	1.288.426.570	1.324.314.326


Bà Nguyễn Thị Thủy
Linh
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thủy
Linh
Kế toán trưởng


Ông Eiichi Ohira
Trưởng bộ phận Kiểm
soát nội bộ


Ông Trần Châu Đính M
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số dư cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2015		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	17	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (*)		2.359.931.599	9.110.585.151	7.500.726.168	(750.072.616)	3.767.412.437	(250.000.000)	9.110.585.151	12.627.597.598
3. Quỹ dự phòng tài chính		129.527.579	504.563.887	375.036.308	-	-	-	504.563.887	504.563.887
4. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		129.527.579	504.563.887	375.036.308	-	-	-	504.563.887	504.563.887
		27.618.986.757	35.119.712.925	8.250.798.784	(750.072.616)	3.767.412.437	(250.000.000)	35.119.712.925	38.637.125.362

(*) Khoản giảm lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2016 là do góp Quỹ Trách nhiệm Xã hội Dai-ichi Life Việt Nam.

luz

luz



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Ông Eiichi Ohira
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Châu Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 8 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10 người).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125").

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng VND phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 125 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.2 *Chuẩn mục và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mục kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mục kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phi quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi thanh toán	1.288.426.570	682.331.706
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	84.338.565	84.051.178
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.204.088.005	598.280.528
Các khoản tương đương tiền	-	250.000.000
	<u>1.288.426.570</u>	<u>932.331.706</u>

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với mức lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,7%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm các khoản lãi tiền gửi dự thu phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

8. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 26)	3.368.491.358	1.637.903.117
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên	66.282.438	59.952.792
	<u>3.434.773.796</u>	<u>1.697.855.909</u>

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ứng trước tiền lương cho người lao động	411.259.587	483.000.000
Đặt cọc	8.000.000	8.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.546.000	-
	<u>421.805.587</u>	<u>491.000.000</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	449.240.725	-
Tăng trong kỳ	546.954.000	1.535.401.951
Phân bổ trong kỳ	(753.151.820)	(1.086.161.226)
Số cuối kỳ	<u>243.042.905</u>	<u>449.240.725</u>

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác bao gồm khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có thời hạn thu hồi còn lại lớn hơn một năm.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND
	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	846.120.000
Mua sắm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>846.120.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Số đầu kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	84.612.000
Số cuối kỳ	<u>84.612.000</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	846.120.000
Số cuối kỳ	<u>761.508.000</u>

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	417.200.000
Mua sắm trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>417.200.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	-
Hao mòn trong kỳ	69.533.333
Số cuối kỳ	<u>69.533.333</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>417.200.000</u>
Số cuối kỳ	<u>347.666.667</u>

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Mua sắm	2.992.024.893	2.841.925.900
Trong đó:		
Phần mềm máy tính PORTIA	2.992.024.893	2.841.925.900
	<u>2.992.024.893</u>	<u>2.841.925.900</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Biến động trong kỳ</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thuế TNDN				
(Thuyết minh số 25.1)	381.209.471	941.853.109	(811.209.471)	511.853.109
Thuế thu nhập cá nhân	40.827.467	792.077.586	(792.174.837)	40.730.216
Thuế khác	-	46.392.667	(46.392.667)	-
	<u>422.036.938</u>	<u>1.780.323.362</u>	<u>(1.649.776.975)</u>	<u>552.583.325</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí thưởng cho nhân viên	822.424.000	1.730.056.150
Chi phí hoạt động	381.633.134	166.912.579
	<u>1.204.057.134</u>	<u>1.896.968.729</u>

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 53/GP-UBCK	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND Vốn pháp định đã góp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (DLVN)	25.000.000.000	100	25.000.000.000

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng	Giảm	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN Ngân hàng HSBC Việt Nam	3.294.839.259	62.117.303.201	(64.316.209.372)	1.095.933.088
	3.294.839.259	62.117.303.201	(64.316.209.372)	1.095.933.088

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Danh mục đầu tư ủy thác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Cổ phiếu niêm yết	51.682.233.748	48.729.310.348
Trong đó		
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro (*)	9.960.803.534	13.962.426.620
Trái phiếu chính phủ	36.692.460.000	29.724.900.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	32.777.000.000	30.916.250.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	1.990.000.000	1.500.000.000
	123.141.693.748	110.870.460.348

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro như dưới đây:

	VND
	Số tiền
<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.187.170.448
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.197.894.153
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	1.195.726.324
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	1.079.234.021
CTCP Cao su Đồng Phú	821.456.888
CTCP Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh	763.543.600
CTCP Đầu tư Nam Long	651.481.641
CTCP Chứng khoán Sài Gòn	614.489.612
CTCP ĐT PT Đô thị & KCN Sông Đà	580.168.950
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	560.699.048
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	221.003.954
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	87.934.895
	9.960.803.534

	VND
	Số tiền
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	3.508.213.857
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	1.971.908.360
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.599.595.801
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo	1.379.666.402
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	1.146.717.500
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	1.015.521.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	922.381.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	823.733.750
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	616.172.875
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	535.201.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	443.313.975
	13.962.426.620

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>năm 2015</i>
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	44.000.000	279.394.000
Phải thu bán cổ phiếu	779.628.800	749.074.700
	823.628.800	1.028.468.700

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	3.368.491.358	1.637.903.117
	3.368.491.358	1.637.903.117

22. DOANH THU

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 26)	9.870.268.189	8.935.117.522
Phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 26)	363.148.425	367.196.905
	10.233.416.614	9.302.314.427

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và các chi phí theo lương	3.860.048.716	3.407.652.590
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	1.481.422.772	933.821.791
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	650.971.145	392.306.310
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	154.145.333	-
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	-
Chi phí công tác	110.817.307	229.099.455
Thuế và phí khác	8.000.000	3.000.000
Chi phí khác	20.012.140	176.785.480
	6.430.417.413	5.142.665.626

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Mức thuế xuất thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN bao gồm:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	941.853.109	1.106.649.333
	941.853.109	1.106.649.333

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận trước thuế TNDN	4.709.265.546	5.044.746.691
Thu nhập chịu thuế ước tính	4.709.265.546	5.044.746.691
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	941.853.109	1.109.844.272
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(3.194.939)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	941.853.109	1.106.649.333
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	381.209.471	709.209.342
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(811.209.471)	(1.206.014.403)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 15)	511.853.109	609.844.272

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND Số tiền</i>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 22)	Công ty mẹ	Phi quản lý quỹ	9.870.268.189
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam (Thuyết minh số 22)	Bên liên quan	Phi quản lý quỹ	363.148.425

Giá trị khoản phải thu và khoản phải trả đối với bên liên quan tại ngày lập báo cáo như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND Số tiền</i>
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh số 8)			
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	3.368.491.358
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	66.282.438

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	408.000.000	408.000.000
Từ 1 đến 5 năm	136.000.000	340.000.000
	<u>544.000.000</u>	<u>748.000.000</u>

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

28.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

28.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bắt kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Tổng cộng
				VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	1.288.426.570	-	-	1.288.426.570
Tiền gửi kỳ hạn	-	10.000.000.000	19.600.000.000	29.600.000.000
Phải thu khách hàng	-	501.666.668	525.263.333	1.026.930.001
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	3.434.773.796	-	3.434.773.796
Phải thu ngắn hạn khác	-	107.805.587	314.000.000	421.805.587
	1.288.426.570	14.044.246.051	20.439.263.333	35.771.935.954
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	-	1.204.057.134	1.204.057.134
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	552.583.325	-	552.583.325
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	14.032.720	-	14.032.720
	-	566.616.045	1.204.057.134	1.770.673.179
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	682.331.706	250.000.000	-	932.331.706
Tiền gửi kỳ hạn	-	13.700.000.000	14.700.000.000	28.400.000.000
Phải thu khách hàng	-	764.669.446	327.266.667	1.091.936.113
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	1.697.855.909	-	1.697.855.909
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	8.000.000	8.000.000
	682.331.706	16.412.525.355	15.035.266.667	32.130.123.728
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	166.912.579	-	166.912.579
Phải trả người bán ngắn hạn	-	417.200.000	-	417.200.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	422.036.938	-	422.036.938
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	50.230.895	-	50.230.895
	-	1.056.380.412	-	1.056.380.412

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
Tài sản tài chính					
Tiền và tương đương tiền	1.288.426.570	932.331.706	1.288.426.570	932.331.706	
Tiền gửi kỳ hạn	29.600.000.000	28.400.000.000	29.600.000.000	28.400.000.000	
Phải thu khách hàng	1.026.930.001	1.091.936.113	1.026.930.001	1.091.936.113	
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	3.434.773.796	1.697.855.909	3.434.773.796	1.697.855.909	
Phải thu ngắn hạn khác	421.805.587	8.000.000	421.805.587	8.000.000	
	35.771.935.954	32.130.123.728	35.771.935.954	32.130.123.728	
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	381.633.134	166.912.579	381.633.134	166.912.579	
Phải trả người bán ngắn hạn	-	417.200.000	-	417.200.000	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	552.583.325	422.036.938	552.583.325	422.036.938	
Các khoản phải trả khác	14.032.720	50.230.895	14.032.720	50.230.895	
	948.249.179	1.056.380.412	948.249.179	1.056.380.412	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mã công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu từ công ty mẹ, phải thu khác, khoản phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi số của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09a-CTQ

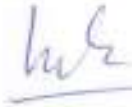
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Thùy
Linh
Người lập



Bà Nguyễn Thị Thùy
Linh
Kế toán trưởng



Ông Eiichi Ohira
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

